

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DSST

Ngày 05/5/2021

" V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Bào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thề.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2020/TLST-DS ngày 16/7/2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-DS ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/QĐST-DS ngày 09/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần A. Trụ sở: Số 25 Biss N , phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - C/v: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc V - chuyên viên QHKHCN Ngân hàng A (theo giấy ủy quyền số 300/2020/UQ-HDB, ngày 24/6/2020 của Ngân hàng A)

Địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị H.

Cùng địa chỉ: Thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 24/01/2019 Ngân hàng A có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị H vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả cuối cùng ngày 24/01/2020, lãi suất vay 10,5%/ năm, theo hợp đồng tín dụng số: 0268/17/HĐTDHM ngày 10/3/2017 và khế ước nhận nợ và giải ngân ngày 24/01/2019 giữa hai bên đã ký kết. Khi làm thủ tục cho vay ông D, bà H có thể chấp 02 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 128 và 239, tờ bản đồ 09, đứng tên Nguyễn Văn D và Phan Thị H, tọa lạc tại: Thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, trên

đất ông D bà H đang trồng Mít và Cà phê. Theo hợp đồng thế chấp số:0230/17/HĐBĐ-111 ngày 10/3/2017, hợp đồng thế chấp đã được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định pháp luật.

Đến hạn trả nợ ông D bà H không trả nợ cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nhiều lần cán bộ Ngân hàng đã đến nhà ông D, bà H để làm việc và tạo điều kiện cho ông D bà H trả nợ, nhưng ông D bà H vẫn không chịu trả và không hợp tác làm việc. Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu TAND huyện Cư Jút giải quyết buộc ông D, bà H trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/5/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là 766.759.998 đồng (Trong đó: Nợ gốc 600.000.000 đồng; Lãi trong hạn 33.359.998 đồng; Lãi quá hạn 133.400.000 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh sau khi xét xử cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông D, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật, gồm: Thửa đất số 128, tờ bản đồ số 9, giấy CNQSDĐ số CS 00048 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/5/2016, đứng tên ông D và bà H, tọa lạc tại thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông và Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 9, giấy CNQSDĐ số CH 01672 do UBND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 29/5/2015, đứng tên ông D và bà H, tọa lạc tại thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật và đã triệu tập hợp lệ bị đơn, các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn ông D, bà H không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải nhưng bị đơn ông D, bà H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, **buộc ông** Nguyễn Văn D và bà Phan Thị H **phải trả** Ngân hàng thương mại cổ phần A **tổng số tiền** gốc và lãi tính đến ngày 04/5/2021 là 766.759.998 đồng (Trong đó: Nợ gốc 600.000.000 đồng; Lãi trong hạn 33.359.998 đồng; Lãi quá hạn 133.400.000 đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông D và bà H có địa chỉ tại Thôn 14, xã N, huyện C trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tài sản thế chấp là bất động sản cũng tọa lạc tại huyện Cư Jút. Vì vậy, đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ mở phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông D, bà H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia xem xét thẩm định tại chỗ; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông D, bà H không chấp hành, vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại ngày 04/5/2021, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét hợp đồng tín dụng số: 0268/17/HĐTDHM ngày 10/3/2017 và khế ước nhận nợ, giải ngân ngày 24/01/2019 giữa Ngân hàng với ông D, bà H để vay số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả cuối cùng ngày 24/01/2020, lãi suất tại thời điểm vay 10,5%/ năm, lãi suất quá hạn 150%, mục đích vay để đầu tư chăm sóc cây trồng. Từ khi vay đến nay ông D, bà H chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi, như vậy ông D, bà H đã vi phạm hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Tính đến ngày 04 tháng 5 năm 2021 ông D, bà H còn nợ Ngân hàng Atổng cộng gốc và lãi là 766.759.998 đồng (Trong đó: Nợ gốc 600.000.000 đồng; Lãi trong hạn 33.359.998 đồng; Lãi quá hạn 133.400.000 đồng).

Ngân hàng A **yêu cầu** ông D, bà H **phải trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn** là có căn cứ và đã được thỏa thuận cụ thể trong Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về lãi suất hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật, không vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

2.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp gồm: Thửa đất số 128, tờ bản đồ số 9, giấy CNQSDĐ số CS 00048 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/5/2016 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 9, giấy CNQSDĐ số CH 01672 do UBND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 29/5/2015 đều đứng tên ông D, bà H, tọa lạc tại thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0230/17/HĐBĐ-111 ngày 10/3/2017 giữa Ngân hàng và ông D, bà H được ký kết đúng chủ thể, đã được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm, mục đích thế chấp để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đúng theo quy định của pháp luật, nội dung không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nên đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định pháp luật. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà ông D, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, chấp nhận.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/12/2020 do Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tiến hành, các tài sản thế chấp gồm các Thửa đất số 128, tờ bản đồ số 9, giấy CNQSDĐ số CS 00048 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/5/2016 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 9, giấy CNQSDĐ số CH 01672 do UBND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 29/5/2015, đứng tên ông D, bà H, tọa lạc tại thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, đứng tên ông D và bà H, tọa lạc tại thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông thì vị trí và tứ cận tiếp giáp của các thửa đất phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Hiện tại trên đất ông D, bà H đang trồng Mít và Cà phê.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 766.759.998 đồng là: 400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng là  $366.759.998 \text{ đồng} \times 4\% = 14.670.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng án phí là 20.000.000 đồng + 14.670.000 đồng = 34.670.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và đã chi phí số tiền 2.500.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định theo quy định tại Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, cần buộc ông D, bà H phải trả Ngân hàng A số tiền chi phí tố tụng là 2.500.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng cho Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; các điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A;

1. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị H phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/5/2021 là 766.759.998 đồng (Trong đó: Nợ gốc 600.000.000 đồng; Lãi trong hạn 33.359.998 đồng; Lãi quá hạn 133.400.000 đồng).

Tiếp tục áp dụng hợp đồng tín dụng số 0268/17/HĐTDHM ngày 24/01/2019 giữa Ngân hàng và ông D bà H đã ký kết để tính lãi kể từ ngày 05/5/2021 theo mức lãi suất nợ quá hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị H không thanh toán tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút kê biên, phát mãi các tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0230/17/HĐBĐ-111 ngày 10/3/2017, gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Thửa đất số 128, tờ bản đồ số 9, giấy CNQSDĐ số CS 00048 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/5/2016 và Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 9, giấy CNQSDĐ số CH 01672 do UBND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 29/5/2015, đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị H, tọa lạc tại thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị H phải nộp 34.670.000 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền án phí đã nộp 15.608.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002984 ngày 16/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị H phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm đồng) chi phí xem xét thẩm định.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jut;
- Chi cục THADS huyện Cư Jut;
- Các đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

**NÔNG VĂN BÀO**